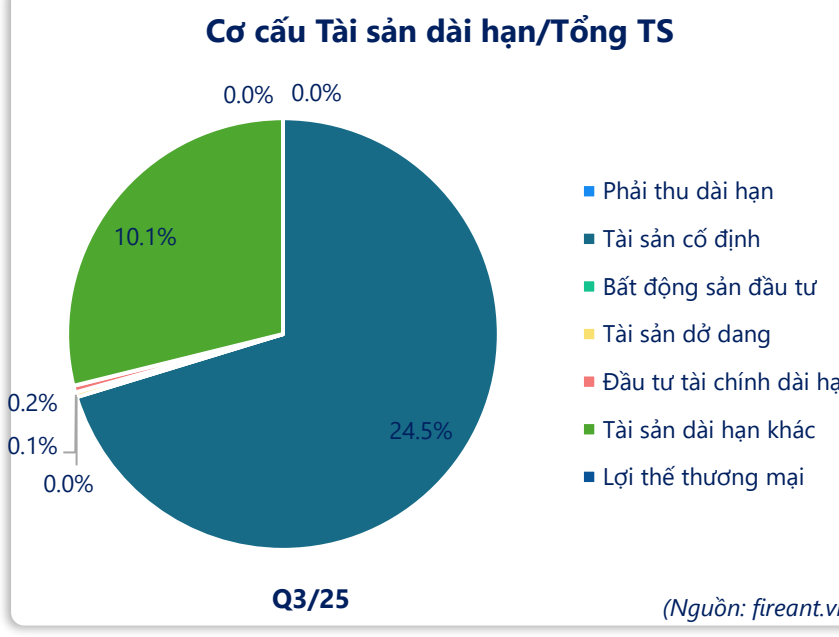
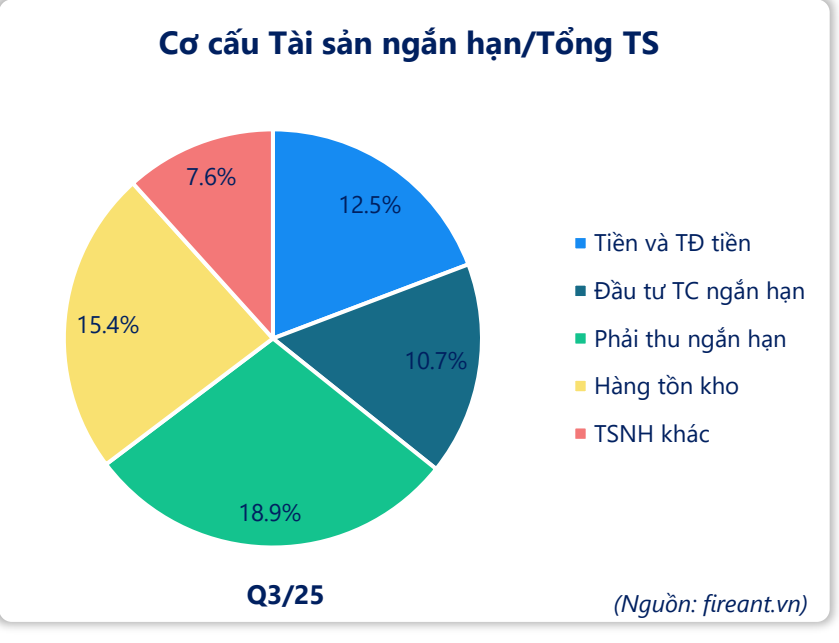
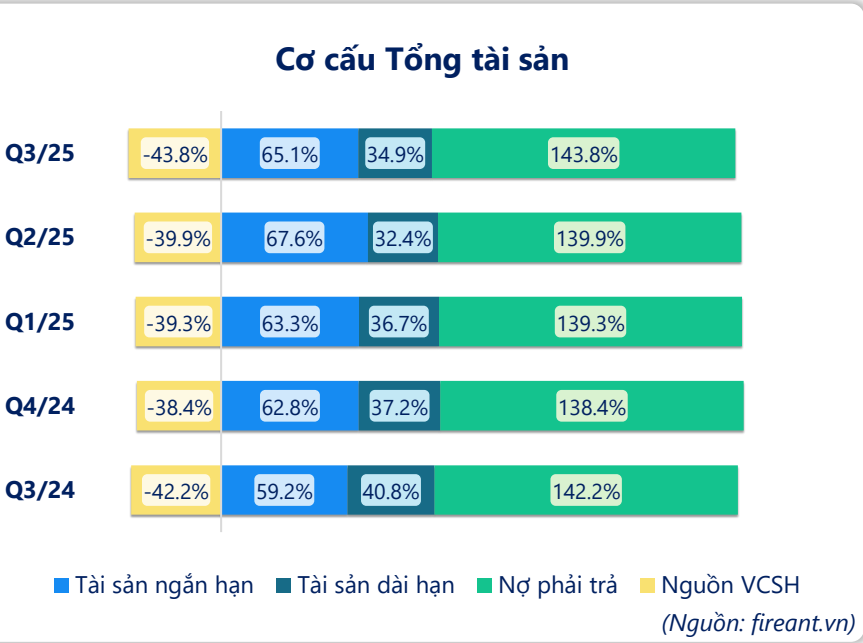
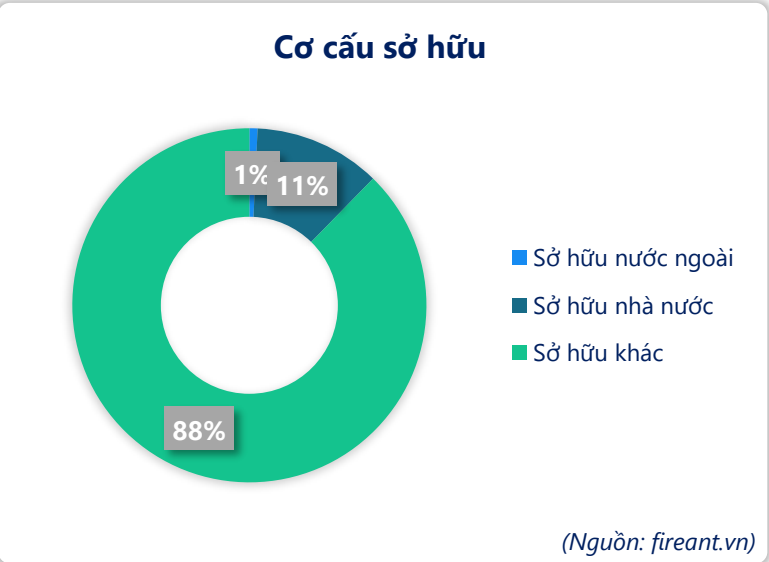
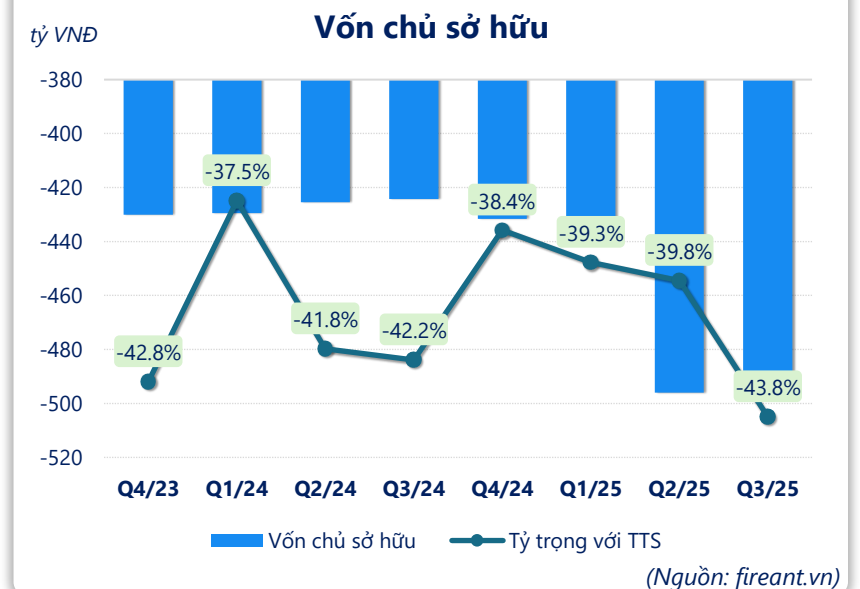
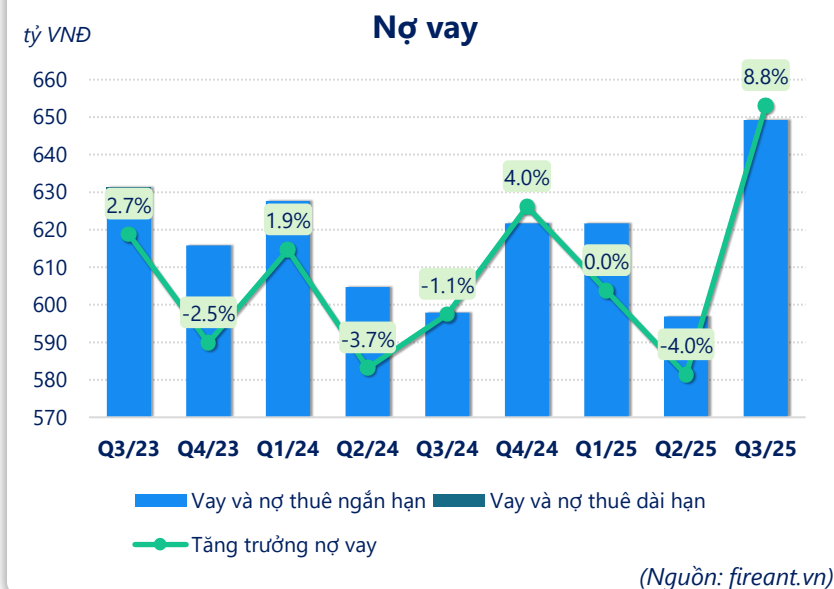
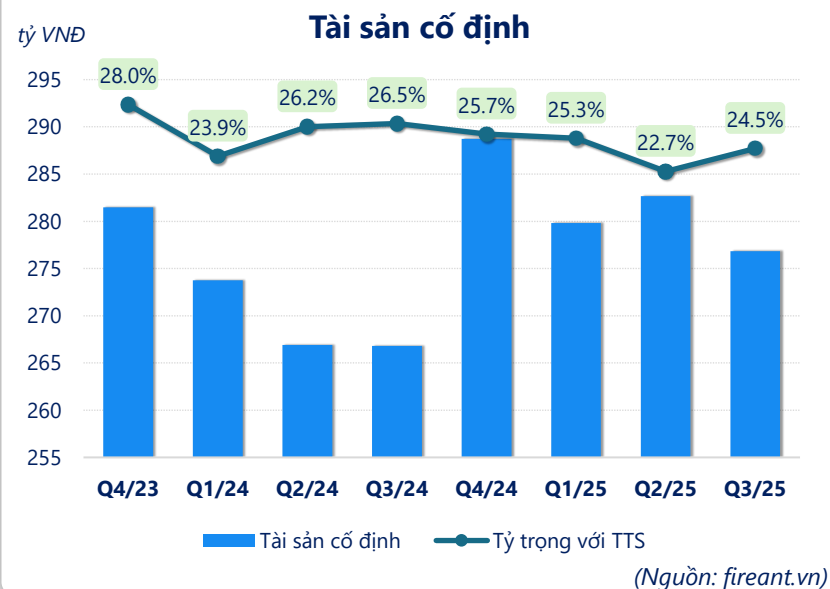
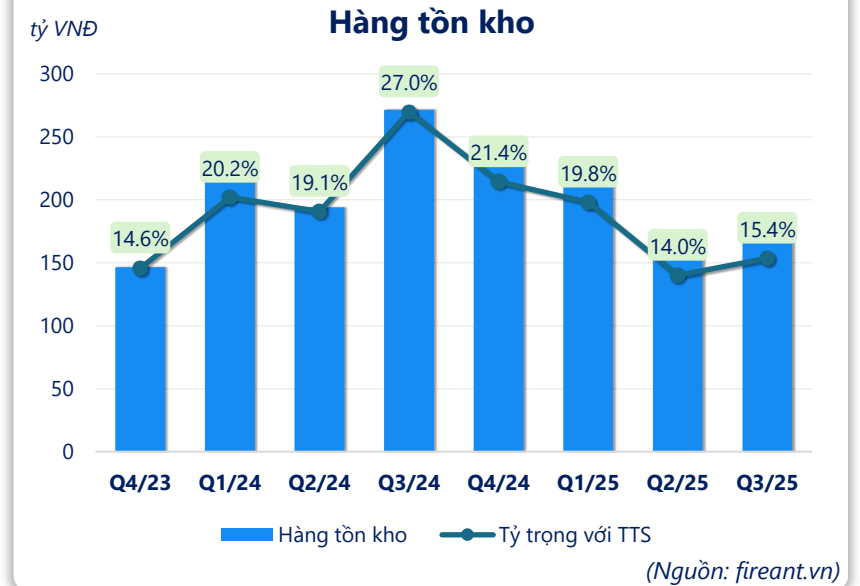
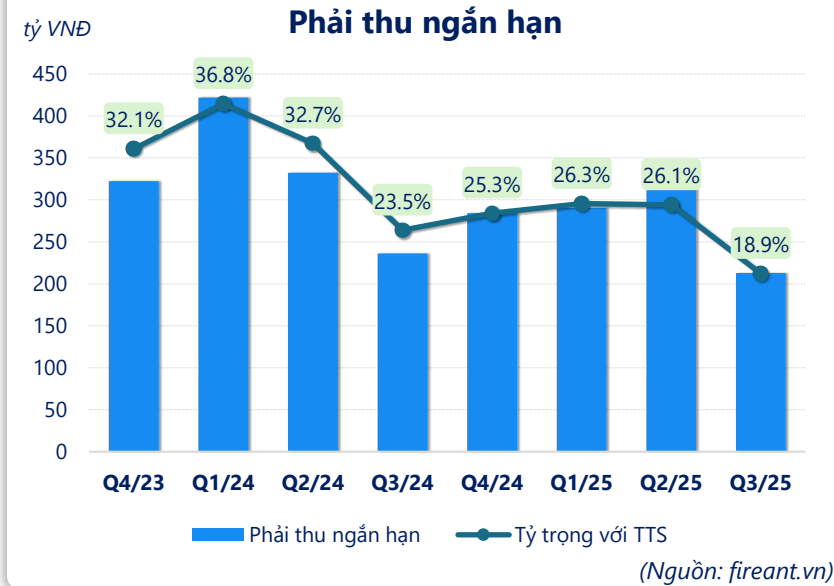
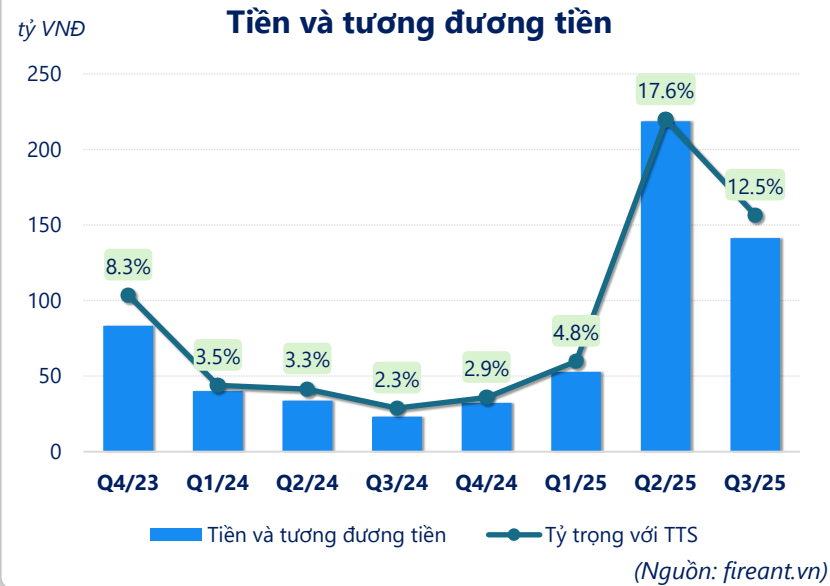
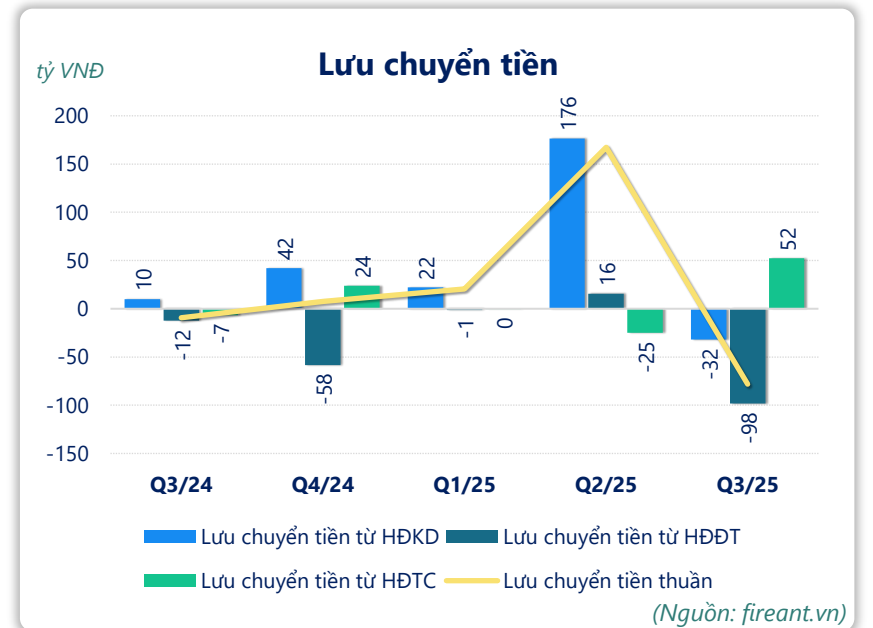
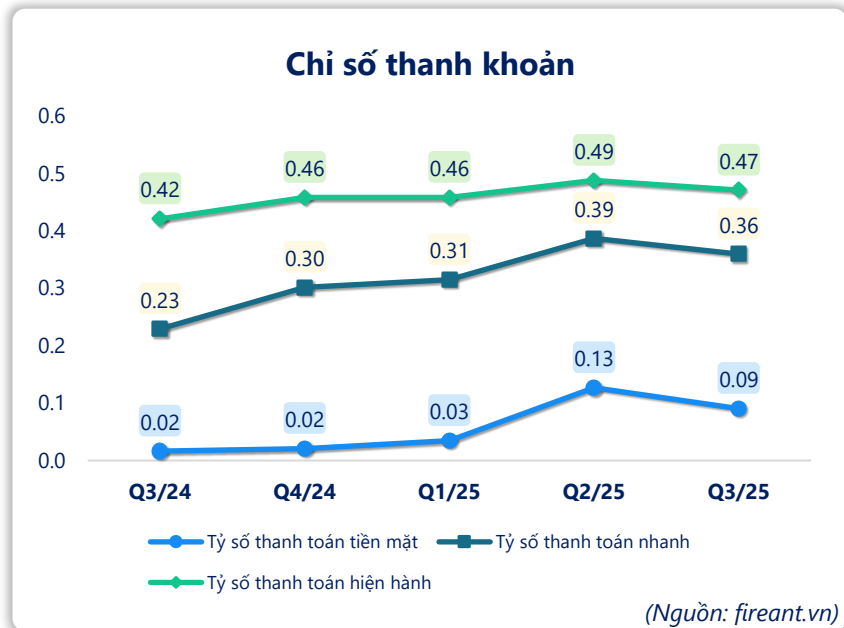
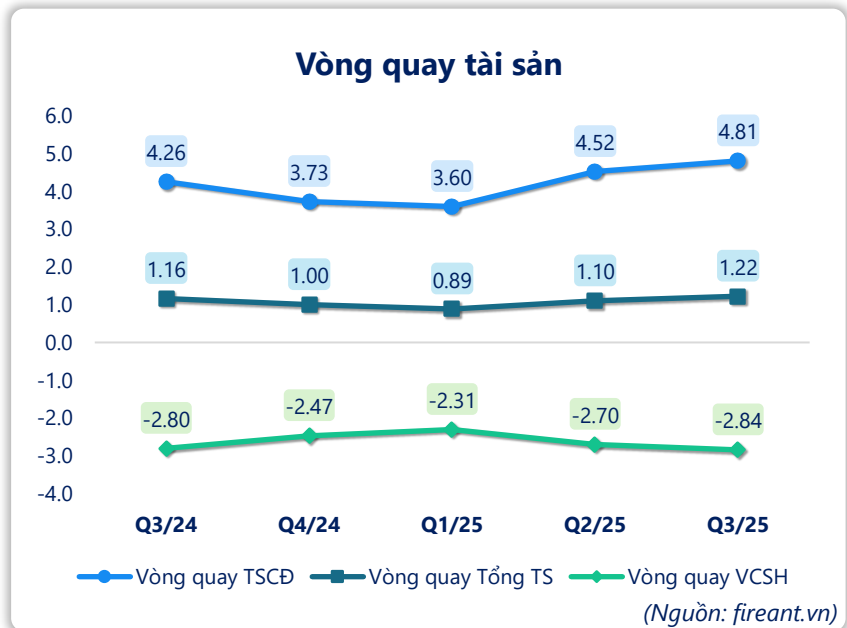
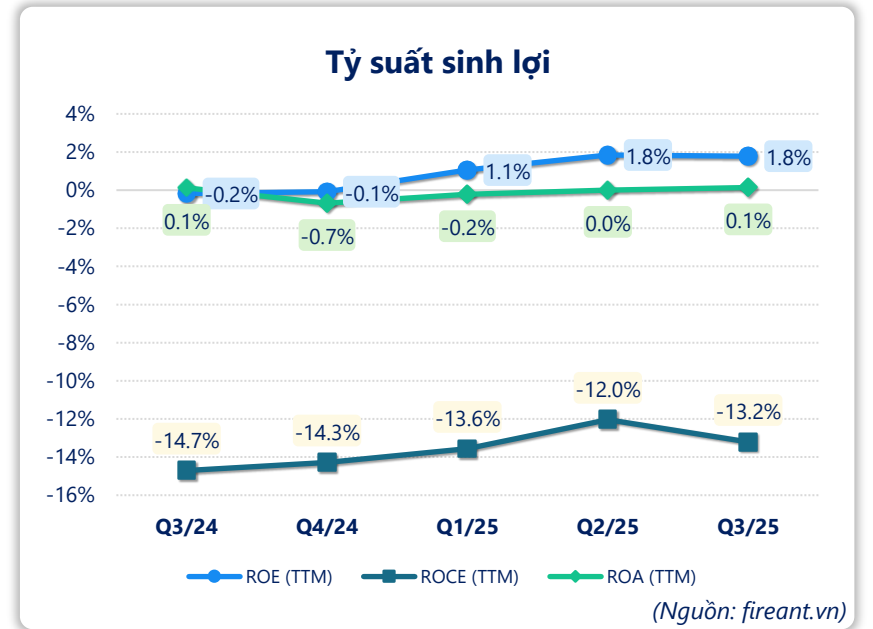
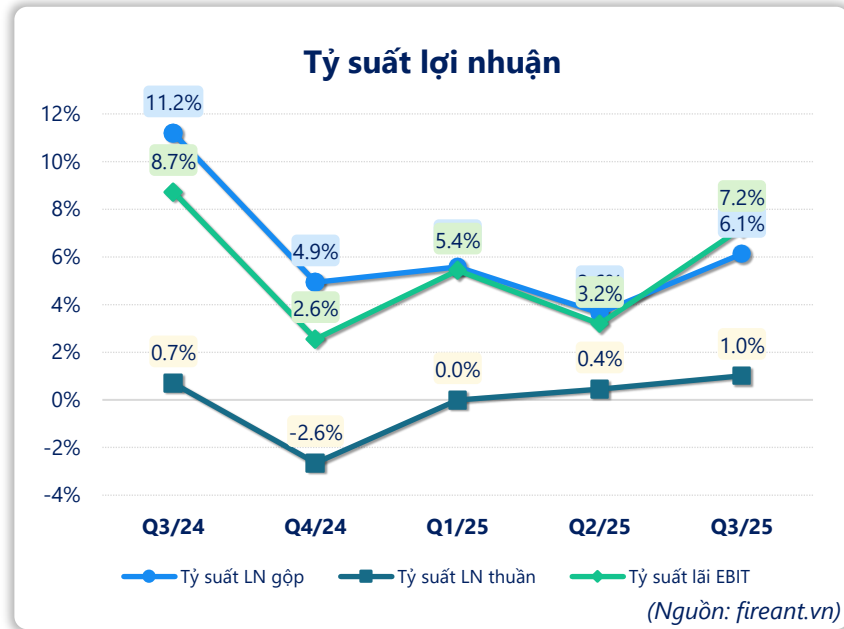
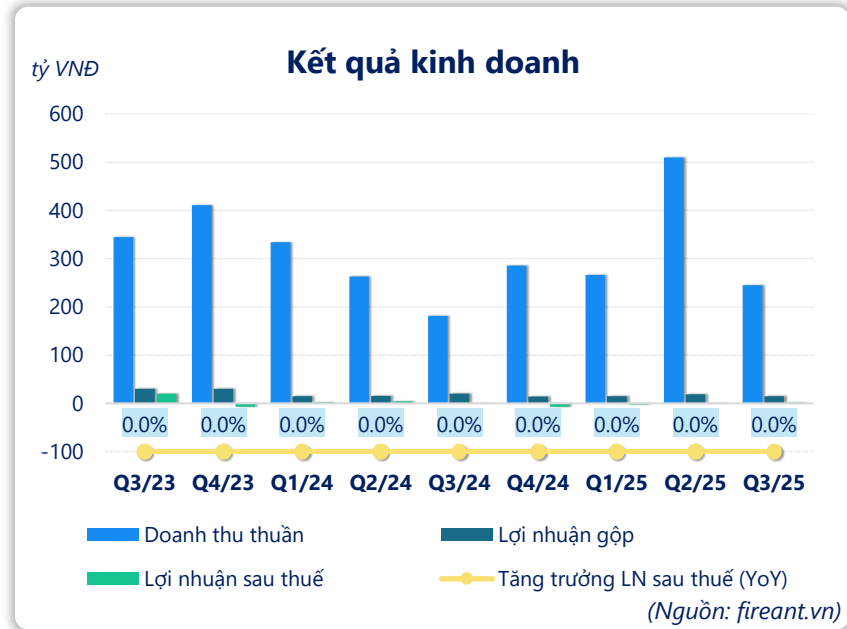


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		1,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		2,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		1,700
SL cổ phiếu LH		59,489,787
KLGD BQ 20 phiên (CP)		18,710
% sở hữu nước ngoài		0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		113
P/E		-13.8
EPS		-138

	YTD	1T	3T	6T
PVY	-20.8%	-9.5%	-20.8%	-20.8%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,128	1,122	0.6%
Tài sản ngắn hạn	735	704	4.4%
Tiền và tương đương tiền	141	32.2	339%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	121	51.7	134%
Phải thu ngắn hạn	213	282	-24.4%
Hàng tồn kho	173	241	-28.0%
Tài sản ngắn hạn khác	85.8	97.2	-11.7%
Tài sản dài hạn	394	418	-5.8%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	277	289	-4.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.40	3.48	-59.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	2.00	2.00	0.0%
Tài sản dài hạn khác	114	124	-8.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,623	1,554	4.4%
Nợ ngắn hạn	1,562	1,540	1.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	649	622	4.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	253	379	-33.1%
Nợ dài hạn	61.5	13.7	348%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	-495	-432	-14.5%
Vốn chủ sở hữu	-494	-432	-14.5%
Vốn điều lệ	595	595	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	-0.05	-0.05	0.0%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	181	286	266	509	245
Giá vốn hàng bán	161	272	251	491	230
Lợi nhuận gộp	20.3	14.1	14.8	18.6	15.0
Doanh thu HĐTC	1.09	4.75	2.27	2.45	6.59
Chi phí TC	14.8	16.3	15.6	14.9	15.5
Chi phí lãi vay	14.6	14.6	14.3	14.4	14.4
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	5.29	10.2	1.57	3.83	3.65
LN thuần từ HĐKD	1.26	-7.56	-0.02	2.26	2.48
Lợi nhuận khác	-0.10	0.29	0.15	-0.37	0.76
LN trước thuế	1.16	-7.28	0.13	1.89	3.24
Lợi nhuận sau thuế	1.16	-7.28	-2.47	0.09	1.47
LNST của CĐ cty mẹ	1.16	-7.28	-2.47	0.09	1.47

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	9.85	42.0	22.2	176	-32.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-12.4	-58.3	-1.49	15.6	-98.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-6.79	23.8	0.00	-24.8	52.3
Tiền đầu kỳ	33.7	23.2	32.2	52.9	219
Lưu chuyển tiền thuần	-9.32	7.52	20.7	167	-78.1
Ảnh hưởng tỷ giá	-1.19	1.46	-0.03	-1.46	0.76
Tiền cuối kỳ	23.2	32.2	52.9	219	141

(Nguồn: fireant.vn)